

Số: 241 /BC-SKHCN

Đồng Nai, ngày 14 tháng 11 năm 2017

**BÁO CÁO**  
**Về kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính**  
**của Sở Khoa học và Công Nghệ năm 2017**

Thực hiện quyết định số 1560/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Chỉ số cải cách hành chính, công vụ các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện năm 2017;

Thực hiện Kế hoạch số 4790/KH-UBND ngày 23/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai xác định Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

Căn cứ hướng dẫn số 1541/SNV-CCHC về việc hướng dẫn xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành năm 2017 của Sở Nội vụ.

Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị theo bộ tiêu chí cụ thể như sau:

**1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính (đính kèm bảng đánh giá)**

**2. Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp. (đính kèm các báo cáo, kế hoạch, văn bản chỉ đạo)**

**3. Báo cáo giải thích cách đánh giá, chấm điểm đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng.**

Cụ thể như sau:

**Tại mục 1.4: Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính**

Kết quả mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền đã báo cáo thông qua báo cáo tình hình cải cách hành chính năm 2017 kèm theo tài liệu đính kèm.

+ Chỉ đạo xây dựng chuyên mục riêng về công tác tuyên truyền CCHC tại địa chỉ: <https://dost-dongnai.gov.vn/Pages/caicachhanhchinh.aspx>

The screenshot shows the website 'CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI'. The navigation bar includes links for 'Trang chủ', 'Tin Tức', 'Cơ sở dữ liệu KHCN', 'Hội thi - giải thưởng', 'Thủ tục hành chính', 'Một cửa điện tử', 'Dịch vụ công', and 'Tư vấn KH&CN'. A search bar is located on the right. The main content area features several news items, with a green arrow pointing to the article titled 'Tuyên truyền công tác CCHC' (Promoting CCHC work). Other visible articles include 'Khai mạc hội thi "Đoàn viên thanh niên với cải cách hành chính"', '14 sáng kiến tham gia cuộc thi cải cách hành chính', and 'Hỗ trợ công chức làm việc tại trung tâm hành chính công'.

+ Hình thức tuyên truyền bao gồm trên trang thông tin và trên hệ thống văn phòng điện tử:

**Tại mục 1.5: Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính**

- Trong năm 2017 Giám đốc Sở với trách nhiệm là người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính đã chỉ đạo thực hiện và trực tiếp ký ban hành các kế hoạch, báo cáo về CCHC, Thủ tục hành chính và tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Thực hiện chỉ đạo rà soát đề án vị trí việc làm, kế hoạch báo cáo về ứng dụng CNTT, đào tạo cán bộ CCBV của Sở.

- Tổng số văn bản Giám đốc Sở ký chỉ đạo đạt trên 90% trong năm 2017.

- Thực hiện chỉ đạo CCHC trong các buổi giao ban hàng tuần (Theo các thông báo kết luận trong năm 2017).

- Chỉ đạo kiên toàn Ban chỉ đạo CCHC của Sở, Ban hành quy chế hoạt động, kiên toàn tổ chuyên viên giúp việc.

**Tại mục 3.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

**Tiêu chí 3.2.6 Thực hiện tiếp nhận và trả hồ sơ, TTHC qua dịch vụ Bưu chính**

Hiện nay Sở đã triển khai Tích hợp dịch vụ bưu chính với cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ tại địa chỉ <https://dichvucong.dongnai.gov.vn>. Tuy nhiên qua quá trình tham gia giải quyết hồ sơ tại Sở thì các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh không có nhu cầu do bị động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

**Tại mục 5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

**Tiêu chí 5.1:** Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt

**Giải trình:**

Trong năm 2017 Sở có ban hành kế hoạch số 97/KH-SKHCCN ngày 08/02/2017 về Thực hiện rà soát lại các vị trí việc làm tại Sở năm 2017, tuy nhiên trong quá trình rà soát thì các VTVL trong năm 2017 không có sự thay đổi và được thể hiện cụ thể trong các báo cáo về CCHC từng quý trong năm 2017. Trong năm 2017 Sở tiếp tục thực hiện kết quả rà soát tại công văn số 1325/SKHCCN-VP ngày 10/10/2016;

**Tại mục 6: Cải cách cơ chế quản lý tài chính công**

+ Tiêu chí thành phần 6.1: Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức hàng năm: Thể hiện có thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho cán bộ, công chức

### **Giải trình**

Trong năm 2017, Sở Khoa học và Công nghệ đã giao dự toán chi quản lý hành chính cho 02 đơn vị thuộc khối Quản lý nhà nước đồng thời hàng tháng đã thực hiện tiết kiệm chi tăng thu nhập cho cán bộ công chức là 400.000 đồng/người/tháng. Tại bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí chi Quản lý hành chính quý 3 năm 2017. Mục các khoản chi thanh toán cho cá nhân được thể hiện chi tiết thu nhập tăng thêm cho CBCC cụ thể tại đối chiếu sử dụng kinh phí năm 2017 tại mục chi chênh lệch thực tế so với lương ngạch bậc với Mã NDKT 6404 qua đó hàng tháng chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ khối QLNN là 53.600.000 đồng.

**+ Tiêu chí thành phần 6.2: Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015**

### **Giải trình**

Hiện nay Sở có 04 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016: Trung tâm phát triển phần mềm và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng là 2 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên ,Trung tâm tin học và thông tin KH-CN và trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH-CN là 2 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Các đơn vị trên đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 8/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Các đơn vị tiếp tục xây dựng phương án tự chủ tài chính để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ tài chính của tổ chức KH-CN công lập trong 3 năm theo quy định điều 15 Nghị định Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016.

### **Tình hình thực hiện cải cách Tài chính công cụ thể:**

<b>Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP</b>		<b>Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP</b>			
Tổng số cơ quan/đơn vị trực thuộc	Đã thực hiện	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Đã thực hiện	Tổng số đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	Số đơn vị sự nghiệp được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp
2	2	4	4	4	4

## **Tại mục 7. Hiện đại hóa nền hành chính**

### **+ Tiêu chí thành phần 7.3: Chất lượng Trang thông tin điện tử của đơn vị**

#### **Giải trình:**

Thông tin được cập nhật thường xuyên theo Quy chế hoạt động.

Đã cung cấp kịp thời các thông tin về hoạt động của cơ quan, đặc biệt là các thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật, các văn bản chính sách của nhà nước về KHCN. Quan tâm cung cấp các thông tin về chỉ đạo điều hành như ý kiến chỉ đạo điều hành của thủ trưởng cơ quan, các ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; cập nhật các thông tin về Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển...

Đáp ứng 49/50 tiêu chí đánh giá theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Có đầy đủ chức năng tìm kiếm, lưu trữ và có đầy đủ các file đính kèm được lưu trữ trên trang Web.

### **+ Tiêu chí thành phần 7.4: Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO điện tử) trên cơ sở ứng dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm của Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của đơn vị**

#### **Giải trình:**

- Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức nghiên cứu các phần mềm ISO điện tử hiện đang được triển khai để đảm bảo phù hợp với thực tế tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh qua đó đã thực hiện kiến nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tại văn bản số 988/SKHHCN-TĐC ngày 24/7/2017 về việc xin ý kiến hướng dẫn việc xây dựng phần mềm ISO điện tử được đồng bộ và tương thích với các phần mềm hiện đang sử dụng, đồng thời giới thiệu địa phương đã triển khai áp dụng hiệu quả để Sở KHCN Đồng Nai học tập, tham mưu UBND tỉnh sớm triển khai áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để Sở tổ chức thực hiện. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã có văn bản số 2003/TĐC-HCHQ ngày 16/8/2017 phúc đáp về vấn đề liên quan ISO điện tử, theo đó việc áp dụng ISO điện tử là hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong việc vận hành và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

- Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ giao Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phối hợp Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Viện Tiêu chuẩn, học tập kinh nghiệm của các địa phương khác như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bà Rịa Vũng Tàu để nghiên cứu giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành hệ thống quản lý chất lượng nhằm giảm tình trạng vận hành hệ thống ISO điện tử kém hiệu quả khi áp dụng thực tiễn. Sở

Khoa học và Công nghệ đang tiến hành xây dựng hệ thống tài liệu hướng dẫn các cơ quan hành chính trong việc ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin tích hợp hệ thống ISO điện tử.

Bảng tổng hợp đánh giá chỉ số CCHC năm 2017 như sau:

Stt	Nội dung chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	12	12
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật	8	8
3	Cải cách thủ tục hành chính	27	26,5
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	6	6
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	14	14
6	Cải cách cơ chế quản lý tài chính công	4	4
7	Hiện đại hóa nền hành chính	16	16
8	Sáng kiến, cách làm mới trong triển khai công tác cải cách hành chính	10	10
9	Kết quả tham mưu triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc trách nhiệm của đơn vị trên địa bàn tỉnh	+/-3	+ 3
Tổng cộng		100	99,5

**Tổng số điểm chuẩn 100 điểm**

**Tổng số điểm Sở tự đánh giá đạt 99,5 điểm (-0,5 điểm).**

+ **Tại tiêu chí thành phần 3.3.2:** Số lượng thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông (Số điểm tối đa 2,5 điểm số điểm Sở chấm 2)

**Nguyên nhân:** do TTHC không có điều kiện để liên thông với các đơn vị trong tỉnh.

Trên đây là kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công Nghệ năm 2017.

Kính gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo./.

*Đính kèm: Bảng tự chấm điểm*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội Vụ
- Giám đốc và Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng/đơn vị (th/hiện);
- Lưu: VT, VP.

D:\WP346-danhgiachisoCCHC20163b

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đoàn Tấn Đạt**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TC, TCTP  
CHỈ SỐ CCHC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2017**

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC hàng năm</b>	<b>4,5</b>	<b>4,5</b>	
1.1.1	Ban hành kế hoạch cải cách hành chính	0,5	0,5	Kế hoạch số 1790/KH-SKHCHN ngày 30/12/2016
	Kịp thời (chậm nhất trong tháng 01 của năm kế hoạch): (0,5đ)			
	Không kịp thời: (0,25đ)			
	Không ban hành: (0đ)			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	<b>1</b>	<b>1</b>	
	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ, đúng định hướng CCHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch CCHC của UBND tỉnh: (0,5đ)		0,5	Theo kế hoạch 1790/KH-SKHCHN ngày 30/12/2016 xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm lĩnh vực CCHC và 3 nhiệm vụ trong công tác tuyên truyền và kiểm tra.
	Các kết quả trong kế hoạch phải được xác định rõ ràng đối với từng nhiệm vụ: (0,5đ)		0,5	Theo phụ lục kế hoạch 1790/KH-SKHCHN ngày 30/12/2016.
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	<b>3</b>	<b>3</b>	
	Đạt 100% kế hoạch: (3đ)		3	<b>Kết quả thể hiện qua các báo cáo</b> - Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017. - Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCHN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCHN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Từ 90% đến dưới 100% kế hoạch: (2đ)			
	Từ 80% đến dưới 90% kế hoạch: (1đ)			
	Từ 70% đến dưới 80% kế hoạch: (0,5đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
<b>1.2</b>	<b>Báo cáo CCHC</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1.2.1	Thực hiện đầy đủ báo cáo CCHC (báo cáo quý 1, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm)	1	1	- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017. - Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCHN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCHN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Đủ số lượng báo cáo: (1đ)			
	Không đủ số lượng báo cáo: (0đ)			
1.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo kế hoạch CCHC của đơn vị và theo đúng yêu cầu của UBND tỉnh	0,5	0,5	
	Đạt yêu cầu: (0,5đ)			
	Không đạt yêu cầu: (0đ)			
1.2.3	Tất cả được gửi đúng thời gian quy định	0,5	0,5	
	Đúng thời gian quy định: (0,5đ)			
	Không đúng thời gian quy định: (0đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>2,5</b>	<b>2,5</b>	
1.3.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0,5	0,5	
	Đạt 100% kế hoạch: (0,5đ)			- Kế hoạch 47 /KH-SKHCN ngày 11/01/2017 về Kiểm tra cải cách hành chính và kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2017.
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (0,25đ)			
	Dưới 85% kế hoạch: (0đ)			
1.3.2	Phát hiện các vấn đề qua kiểm tra	1	1	- Quyết định số 101/QĐ-SKHCN ngày 12/01/2017 về Kiện toàn Đoàn kiểm tra CCHC và KSTTHC. - Báo cáo số 221 /BC-SKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2017 về kiểm tra CCHC năm 2017. - Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017. - Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017. - Kế hoạch kiểm tra số 985/TB-SKHCN ngày 24/7/2017 về kiểm tra CCHC tại Y Sở Y tế và Long Thành. - Báo cáo số 1228 /BC-SKHCN ngày ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại Sở Y tế - Báo cáo số 1292 /BC-SKHCN ngày ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Huyện Long Thành.
	Có phát hiện các vấn đề chưa phù hợp: (1đ)			
	Không phát hiện ra các vấn đề chưa phù hợp: (0đ)			
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	- Báo cáo số 1228 /BC-SKHCN ngày ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại Sở Y tế - Báo cáo số 1292 /BC-SKHCN ngày ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Huyện Long Thành.
	Đạt 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0,75đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0,5đ)			
	Từ 50% đến dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0,25đ)			
	Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0đ)			
	Trường hợp tất cả các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)			
<b>1.4</b>	<b>Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1	1	- Kế hoạch 1780/KH-SKHCN ngày 30/12/2016 về Thông tin tuyên truyền cải cách hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai năm 2017. - Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017. - Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Đạt 100% kế hoạch: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (0,5đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% kế hoạch: (0,25đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC: có thực hiện một trong các hình thức: tổ chức cuộc thi, tọa đàm, sân khấu,...: (0,5đ); không thực hiện: (0đ).	0,5	0,5	
1.4.3	Hiệu quả của công tác tuyên truyền cải cách hành chính.	0,5	0,5	<b>- Theo báo cáo giải trình</b>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1.5	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính</b>	1	1	
	Rà soát kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC định kỳ hàng tuần: có thực hiện: (0,5đ); không thực hoặc có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: (0đ)	0,5	0,5	- Kế hoạch số 1790/KH-SKHCN ngày 30/12/2016 - Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017. - Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017. - Quyết định số 0228/QĐ-SKHCN ngày 03/7/2017 về Kiện toàn Ban chỉ đạo CCHC. - Quyết định số 0229/QĐ-SKHCN ngày 03/7/2017 về Kiện toàn tổ chuyên viên giúp việc ban chỉ đạo CCHC. - Quyết định số 0227/QĐ-SKHCN ngày 04/7/2017 về Quy chế làm việc BCĐ CCHC - Theo thông báo kết luận hàng tuần từ tháng 1 tới tháng 11 của Giám đốc Sở. - Theo báo cáo giải trình
	Chỉ đạo công tác cải cách hành chính đầy đủ: tổ chức họp CCHC hàng tháng (0,25đ), hàng quý (0,25đ); không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: (0đ)	0,5	0,5	
2	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	8	8	
2.1	Tham mưu ban hành văn bản QPPL được văn bản cấp trên giao quy định chi tiết thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của đơn vị; Trường hợp đơn vị không tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật do không có quy định đơn vị phải tham mưu ban hành thì TC 2.1 (3đ)	3	3	- Trong năm 2017, Sở Khoa học và Công nghệ tập trung và chủ yếu tham mưu các VBQPPL của năm 2016 chuyển sang và xuất phát từ nhu cầu quản lý tại địa phương, không thực hiện theo quy định chi tiết thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý do cấp trên giao:
2.1.1	Văn bản QPPL được ban hành kịp thời	2	2	- Văn bản số 582/UBND-NC ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh - Văn bản số 249/HĐND-VP ngày 08/5/2017.
	Đạt 100% văn bản: (2đ)			
	Từ 95% đến dưới 100% văn bản: (1đ)			
	Từ 90% đến dưới 95% văn bản: (0,5đ)			
	Dưới 90% văn bản: (0đ)			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL:	1	1	
	Đạt 100% văn bản được xây dựng đúng quy trình: (1đ)			
	Chưa đạt 100% văn bản được xây dựng đúng quy trình: (0đ)			
<b>2.2</b>	<b>Công tác theo dõi thi hành pháp luật</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
2.2.1	Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 107/KH-SKHCN ngày 25/01/2017 và Kế hoạch số 117/KH-SKHCN ngày 07/02/2017</li> <li>- Báo cáo số 191/BC-SKHCN ngày 05/10/2017 và số 192/BC-SKHCN ngày 05/10/2017</li> <li>- Văn bản số 559/SKHCN-TTra ngày 10/5/2017 (cử cán bộ tham gia Đoàn Kiểm tra TĐTHPL 2017).</li> </ul>
	Đạt 100% kế hoạch: (2đ)		2	
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (1,5đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% kế hoạch: (1đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật:	1	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 441/SKHCN-PC ngày 18/4/2017 (Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017)</li> <li>- Văn bản số 1300/SKHCN-PC ngày 25/9/2017 (không đưa vào Chương trình kỳ họp HĐND cuối năm 2017).</li> </ul>
	100% số vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề: (0,75đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề: (0,5đ)			
	Dưới 70% các vấn đề: (0đ)			
	Trường hợp các kết quả theo dõi thi hành pháp luật đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)			
<b>2.3</b>	<b>Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
2.3.1	Ban hành kế hoạch (hoặc văn bản) triển khai kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0,5	0,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 102/KH-SKHCN ngày 24/01/2017.</li> </ul>
	Kịp thời: (0,5đ)			
	Không kịp thời: (0,25đ)			
	Không ban hành: (0đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1	1	- Văn bản số 441/SKHCHN-PC ngày 18/4/2017 (Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017)
	Hoàn thành kế hoạch: (1đ)			- Văn bản số 1469/STP-XDKTVB ngày 21/8/2017, Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai
	Không hoàn thành kế hoạch: (0đ)			
2.3.3	Đề xuất xử lý các vấn đề không còn phù hợp	0,5		- Văn bản số 1382/SKHCHN-QKC ngày 10/10/2017
	Có đề xuất xử lý: (0,5đ)			- Văn bản số 1552/SKHCHN-QLK ngày 10/11/2017
	Có phát hiện vấn đề không còn phù hợp nhưng không đề xuất xử lý: (0đ)			- Văn bản số 1384/SKHCHN-PC ngày 10/10/2017
	Trường hợp tất cả các VBQPPL qua rà soát đều phù hợp, không phát sinh việc đề xuất xử lý: (0,25đ)			- Văn bản số 1494/SKHCHN-PC ngày 30/10/2017
				- Góp ý dự thảo VBQPPL: Văn bản số 1459, 1549, 1445, 1413...
				- Báo cáo số 198/BC-SKHCHN ngày 10/10/2017
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>27</b>	<b>26,5</b>	
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát thủ tục hành chính</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC	0,5	0,5	- Kế hoạch số 10/KH-SKHCHN ngày 04/01/2017.
	Trong tháng 01 năm kế hoạch: (0,5đ)			
	Không kịp thời: (0,25đ)			
	Không ban hành: (0đ)			
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC	1	1	- Kế hoạch số 27/KH-SKHCHN ngày 09/01/2017
	Đạt 100% kế hoạch: (1đ)			- Kế hoạch số 47/KH-SKHCHN ngày 11/01/2017
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (0,5đ)			- Văn bản số 1526/SKHCHN-PC ngày 03/11/2017,
	Từ 70% đến dưới 85% kế hoạch: (0,25đ)			- Văn bản số 949/SKHCHN-VP ngày 17/7/2017, Quyết định số 135/QĐ-BCĐ896 ngày 09/10/2017
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			- Văn bản số 992/SKHCHN-THKC ngày 25/7/2017
3.1.3	Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa quy định hành chính, thủ tục hành chính	1,5	1,5	
	Phương án có kiến nghị đơn giản hóa nội dung về văn bản pháp luật và thủ tục hành chính: (1,5đ)		1,5	- Phương án số 500/SKHCHN-PC ngày 28/4/2017
	Phương án chỉ có kiến nghị đơn giản hóa về nội dung văn bản pháp luật: (1đ)			- Kế hoạch số 27/KH-SKHCHN ngày 09/01/2017

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Phương án chỉ có kiến nghị đơn giản hóa về nội dung thủ tục hành chính: (0,5đ)			
	Có Phương án hoặc văn bản về kết quả rà soát, nhưng không có nội dung kiến nghị cụ thể: (0,25đ)			
	Không Phương án hoặc văn bản về thực hiện rà soát quy định hành chính, thủ tục hành chính: (0đ).			
3.1.4	Cập nhật, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Bộ thủ tục hành chính 3 cấp.	2,5	2,5	- Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai - Tờ trình số 28/TTr-SKHCCN ngày 29/5/2017.
	Công bố sau 01 tháng so với Bộ TTHC của Trung ương: (2,5đ)			
	Cập nhật trình công bố sau 1,5 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: (2đ)			
	Cập nhật trình công bố sau 2 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: (1,5đ)			
	Cập nhật trình công bố sau 2,5 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: (1đ)			
	Cập nhật trình công bố sau 3 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: (0,5đ)			
	Cập nhật trình công bố sau 3,5 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: (0,25đ)			
	Cập nhật trình công bố sau 4 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: (0đ)			
3.1.5	Kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính	1,5	1,5	- Kế hoạch số 47/KH-SKHCCN ngày 11/01/2017 - Quyết định số 10/QĐ-SKHCCN ngày 12/01/2017 - Báo cáo số 221/BC-ĐKT ngày 30/10/2017
	Có ban hành kế hoạch kiểm tra; có thành lập đoàn kiểm tra; có kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: (1,5đ)			
	Không ban hành kế hoạch kiểm tra; nhưng có thành lập đoàn kiểm tra; có kết luận về kết quả kiểm tra: (1đ).			
	Không ban hành kế hoạch kiểm tra; có thành lập đoàn kiểm tra, có tổ chức kiểm tra, nhưng không có kết luận về kết quả kiểm tra: (0,5đ).			
	Không ban hành kế hoạch kiểm tra; không thành lập đoàn kiểm tra, nhưng có tổ chức kiểm tra và có kết luận về kết quả kiểm tra cụ thể: (0,25đ).			
	Không ban hành kế hoạch kiểm tra; không tổ chức kiểm tra: (0đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
3.1.6	Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính	1	1	<p>- Cũ cán bộ tham dự theo Giấy mời số 169/GM-UBND ngày 27/3/2017</p> <p>- Văn bản thông báo ngày 30/10/2017 của Phòng Pháp chế</p>
	Tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; tổ chức tập huấn, hướng dẫn lại nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho đơn vị, địa phương: (1đ)			
	Không tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; nhưng có tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho đơn vị: (0,5đ)			
	Không tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; không tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị: (0đ)			
3.1.7	Tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị	2	2	<p>- Trong năm 2017, Sở Khoa học và Công nghệ không nhận bất cứ ở hình thức nào phản ánh về hành vi cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan (qua hệ thống Egov, hộp thư, Tổng đài 1022)</p>
	Không có phản ánh về hành vi cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính: (2đ)			
	Tổ chức, cá nhân có phản ánh về hành vi cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính với tần suất 01 lần nhưng được giải quyết kịp thời: (1,5đ)			
	Tổ chức, cá nhân có phản ánh về hành vi cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính với tần suất 02 lần trở lên nhưng được giải quyết kịp thời: (1đ)			
	Tổ chức, cá nhân có phản ánh về hành vi cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, có xử lý nhưng không kịp thời: (0,5đ)			
	Có phản ánh về hành vi cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, nhưng không được xử lý: (0đ)			
<b>3.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>17</b>	<b>16,5</b>	
3.2.1	Thực hiện cơ chế một cửa	3	3	<p>- Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai</p> <p>- <a href="https://dichvucong.dongnai.gov.vn">https://dichvucong.dongnai.gov.vn</a></p>
	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành do UBND tỉnh công bố: Đạt 100% TTHC: (2đ);		2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Từ 85% đến dưới 100% số TTHC: (1đ); Từ 70% đến dưới 85% số TTHC: (0,5đ); Dưới 70% số TTHC: (0đ)			
	Cung cấp các dịch vụ công cần thiết cho người dân, doanh nghiệp, tích hợp giải quyết tại Trung tâm hành chính công của tỉnh: (1đ); chưa thực hiện: (0đ)		2	- Giải quyết hoạt động đăng ký kiểm tra hàng hóa nhập khẩu tại Trung tâm Hành chính công (không quy định cụ thể trong giải quyết thủ tục hành chính) - Nội dung chi tiết giải quyết TTHC hành chính đối với quy định kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu
3.2.2	Số lượng thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông:	2,5	2	
	Đơn vị thực hiện đầy đủ TTHC liên thông theo chỉ đạo của Trung ương, của UBND tỉnh: (2đ); chưa thực hiện liên thông hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: (0đ).			
	Đơn vị không thực hiện cơ chế một cửa liên thông do TTHC không có điều kiện để liên thông: (2đ).			- Không thực hiện cơ chế một cửa liên thông do TTHC không có điều kiện để liên thông
	Trường hợp đơn vị chủ động thực hiện cơ chế một cửa liên thông mặc dù không quy định bắt buộc phải liên thông: (2,5đ).			
3.2.3	Thực hiện quy trình tiếp nhận, luân chuyển, trả kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC theo cơ chế một cửa:	2	2	
	Thực hiện đúng quy định: (1đ)		1	Kết hợp giải quyết và luân chuyển hồ sơ trên phần mềm Egate (trước ngày 15/5/2017) và trên phần mềm Egov (sau ngày 15/5/2017)
	Chủ động đề xuất điều chỉnh bổ sung cho phù hợp: (1đ)		1	Kiến nghị điều chỉnh, bổ sung phần mềm phục vụ công tác thu phí và lệ phí tại Trung tâm Hành chính công
	Trường hợp quy định thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa của đơn vị qua rà soát vẫn còn phù hợp không cần điều chỉnh, bổ sung (đối với các đơn vị chưa đưa TTHC ra Trung tâm hành chính công tỉnh): (1đ)			
3.2.4	Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ	2,5	2,5	
	100% hồ sơ có phiếu biên nhận (đối với hồ sơ phải ghi phiếu biên nhận): (0,5đ)		0,5	Tài liệu đính kèm
	100% hồ sơ vào sổ trả hồ sơ: (0,5đ)		0,5	Tài liệu đính kèm
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình luân chuyển hồ sơ: (0,5đ)		0,5	Luân chuyển hồ sơ trên Egov và Phiếu luân chuyển (hình ảnh và tài liệu đính kèm)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	100% hồ sơ trễ hạn, đơn vị có văn bản xin lỗi người dân: (1đ); Trường hợp 100% hồ sơ đúng hạn không phát sinh văn bản xin lỗi: (1đ)		1	Hồ sơ đúng hạn không phát sinh văn bản xin lỗi
3.2.5	Công tác giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ trả đúng hạn:	5	5	
	Đạt 100%: (5đ)		5	Đạt tỷ lệ 100%, không có phản ánh nào từ phía các tổ chức, doanh nghiệp
	Từ 95% đến dưới 100%: (4đ)			
	Từ 90% đến dưới 95%: (3đ)			
	Từ 85% đến dưới 90%: (2đ)			
	Từ 80% đến dưới 85%: (1đ)			
	Dưới 80%: (0đ)			
3.2.6	Thực hiện tiếp nhận và trả hồ sơ, TTHC qua dịch vụ Bưu chính	2	2	- Theo báo cáo giải trình
	Nhận hồ sơ, TTHC qua dịch vụ bưu chính: (0,5đ)		0,5	
	Trả hồ sơ, TTHC qua dịch vụ bưu chính: (0,5đ)		0,5	
	Tích hợp dịch vụ bưu chính với cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4: (1đ)		1	
4	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	6	6	
4.1	Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy	2	2	- Quyết định 25/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 25/8/2015.
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: (2đ)			- Quyết định 2014/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 về chuyển Trung tâm UCS về Ban quản lý KCN cao.
	Thực hiện không đầy đủ theo quy định: (0đ)			- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017.
4.2	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức bên trong cơ quan; đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị không chồng chéo	2	2	- Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCHN ngày 29 tháng 5 năm 2017.
				- Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.
				- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCHN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
				- Báo cáo 04 /BC-SKHCHN ngày 05 tháng 01 năm 2017 Về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, hợp đồng lao động trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước.
4.3	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	2	2	
4.3.1	Thực hiện các quy định phân cấp về thẩm quyền quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị	1	1	- Theo quyết định 218 /QĐ-SKHCHN ngày 10/9/2013 của Sở KHCHN về phân cấp
	Thực hiện đầy đủ các quy định: (1đ)			- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017.
	Thực hiện không đầy đủ các quy			- Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCHN ngày ngày 29 tháng 5 năm

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	định: (0đ)			2017.
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp	0,5	0,5	- Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.
	Có thực hiện: (0,5đ)			- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Không thực hiện: (0đ)			
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0,5	0,5	- Báo cáo số 221 /BC-SKHCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017 về kiểm tra CCHC năm 2017.
	Có xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)			
	Có phát hiện vấn đề không còn phù hợp nhưng không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0đ)			
	Trường hợp tất cả các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,25đ)			
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	
<b>5.1</b>	Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt	<b>2</b>	<b>2</b>	- Kế hoạch số 97/KH-SKHCN ngày 08/02/2017 về Thực hiện rà soát lại các vị trí việc làm tại Sở năm 2017. - Báo cáo số 176B/BC-SKHCN ngày 12/9/2017 về chuyển đổi VTVL. <b>Theo báo cáo giải trình</b>
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức, viên chức</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	
5.2.1	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức đúng quy định (2đ)	2	2	Công văn số 952/SKHCN-VP ngày 25/7/2016 về nhu cầu tuyển dụng.
	Thực hiện chưa đúng quy định: (0đ)			Công văn số 86/SKHCN-VP ngày 19/01/2017 đồng ý tuyển dụng Công văn số 160/SKHCN-VP ngày 21/2/2017 thông nhất danh sách tuyển dụng.
	Trong trường hợp cơ quan, đơn vị không tổ chức tuyển dụng viên chức do không còn số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp (biên chế): (2đ)			
5.2.2	Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức	2	2	Quyết định 329/QĐ-SKHCN ngày 28/9/2017 tiếp nhận và phân công công tác.
	Từ 95% công chức trở lên: (2đ)			Quyết định 322/QĐ-SKHCN ngày 25/9/2017 tiếp nhận và phân công công tác.
	Từ 80% đến dưới 95% công chức: (1đ)			Quyết định 323/QĐ-SKHCN phân công hướng dẫn tập sự ngày 25/9/2017
	Từ 70% đến dưới 80% công chức: (0,5đ)			Quyết định 330/QĐ-SKHCN phân công hướng dẫn tập sự ngày 28/9/2017.
	Dưới 70% công chức: (0đ)			
5.2.3	Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	2	2	Quyết định 329/QĐ-SKHCN ngày 28/9/2017 tiếp nhận và phân công công tác.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Từ 90% viên chức trở lên: (2đ)			Quyết định 322/QĐ-SKHCN ngày 25/9/2017 tiếp nhận và phân công công tác. Quyết định 323/QĐ-SKHCN phân công hướng dẫn tập sự ngày 25/9/2017 Quyết định 330/QĐ-SKHCN phân công hướng dẫn tập sự ngày 28/9/2017.
	Từ 80% đến dưới 90% viên chức: (1đ)			
	Từ 70% đến dưới 80% viên chức: (0,5đ)			
	Dưới 70% viên chức: (0đ)			
	Trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có viên chức: (2đ)			
5.2.4	Quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở dữ liệu điện tử	2	2	Công văn 07/SKHCN-VP ngày 3/1/2017 danh sách sử dụng phần mềm. Công văn số 901/SKHCN-VP ngày 04/7/2017 báo cáo cập nhật phần mềm, Công văn số 1112/SKHCN-VP ngày 17/8/2017 báo cáo cập nhật phần mềm, Công văn số 1164/SKHCN-VP ngày 29/8/2017 báo cáo cập nhật phần mềm, Công văn 1512/SKHCN-VP ngày 01/11/2017 đăng ký làm việc hỗ trợ kết nối dữ liệu phần mềm quản lý chuyên ngành nội vụ với phần mềm I Office.
	Quản lý, cập nhật dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức lên phần mềm theo đúng yêu cầu: (1đ); chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: (0đ);			
	Ứng dụng phần mềm phục vụ công tác cán bộ, công chức, viên chức: (1đ).			
<b>5.3</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	1	1	- Kế hoạch số 1255/KH-SKHCN ngày 27/9/2016 về kế hoạch đào tạo CBCCVC năm 2017.
	Ban hành kịp thời (chậm nhất vào tháng 9 năm trước liền kề năm kế hoạch): (1đ)			
	Ban hành không kịp thời: (0,5đ)			
	Không ban hành: (0đ)			
5.3.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn; bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm quy định tại Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ: Tỷ lệ % cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng với thời gian học tối thiểu từ 01 tuần/01 năm trở lên	3	3	- Báo cáo số 188/ BC-SKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2017 về kết quả thực hiện đào tạo và bồi dưỡng CBCCVC năm 2017 (Thời gian báo cáo từ 30/9/2016 tới 30/9/2017). - Trong năm 2017 đã thực hiện đánh giá và rà soát cử 175 lượt cán bộ tham dự các lớp đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ và trình độ chính trị, chuyên môn trên tổng số 204 CBCCVC của Sở đạt tỷ lệ đào tạo là 85,8%. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên: (3đ)			
	Từ 60% đến dưới 70% số cán bộ, công chức: (2đ)			
	Từ 50% đến dưới 60% số cán bộ, công chức: (1đ)			
	Dưới 50% số cán bộ, công chức: (0đ)			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
6	<b>CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG</b>	4	4	
6.1	Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức hàng năm: Thẻ hiện có thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho cán bộ, công chức	1	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí chi quản lý hành chính quý 3 năm 2017 tại 6404 Mã NDKT:</li> <li>- Quyết định số 194/QĐ-SKHCCN ngày 15/8/2014,</li> <li>- Quyết định số 338/QĐ-SKHCCN ngày 30/2/2012</li> <li>- Công văn 077/SKHCCN-KHTC ngày 18/1/2017.</li> <li>- Theo báo cáo giải trình</li> </ul>
6.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015	2	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn 460/SKHCCN-KHTC ngày 21/4/2017</li> <li>- Công văn 780/SKHCCN-KHTC ngày 12/6/2017.</li> <li>- Báo cáo 175/SKHCCN-KHTC ngày 11/9/2017.</li> <li>- Báo cáo 137/SKHCCN-KHTC ngày 18/7/2017.</li> <li>- Quyết định 1889/QĐ-UBND ngày 9/6/2017 về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.</li> </ul>
	Đạt 100%: (2đ)			- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017.
	Từ 85% đến dưới 100% đơn vị: (1đ)			- Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017.
	Từ 70% đến dưới 85% đơn vị: (0,5đ)			- Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.
	Dưới 70% đơn vị: (0đ)			- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Trường hợp cơ quan không thành lập đơn vị sự nghiệp công lập: (2đ)			
6.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên có tăng hơn năm trước: (0,5đ); Trường hợp cơ quan không thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (0,5đ)	0,5	0,5	
6.4	Có đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (0,5đ): Trường hợp cơ quan không thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (0,5đ).	0,5	0,5	
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH</b>	16	16	
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính</b>	6	6	
7.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin	2	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 1219-KH-SKHCCN ngày 19/9/2016 về kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2017.</li> <li>- Báo cáo số 73 /BC-SKHCCN ngày ngày 15 tháng 5 năm 2017.</li> </ul>
	Đạt 100% kế hoạch: (2đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (1đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% kế hoạch:			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	(0,5đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác	2	2	- Báo cáo số 230 /BC-SKHCHN ngày ngày 7 tháng 11 năm 2017. - Báo cáo số 211 /BC-SKHCHN ngày ngày 19 tháng 10 năm 2017.
	Đạt 100% tổng số văn bản: (2đ)			- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017.
	Từ 95% đến dưới 100% tổng số văn bản: (1đ)			
	Từ 90% đến dưới 95% tổng số văn bản: (0,5đ)			- Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCHN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017.
	Dưới 90% tổng số văn bản: (0đ)			
7.1.3	Tỷ lệ công chức, viên chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc.	2	2	- Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.
	Đạt 100% tổng số công chức, viên chức: (2đ)			- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCHN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Từ 95% đến dưới 100% tổng số công chức, viên chức: (1đ)			
	Từ 90% đến dưới 95% tổng số công chức, viên chức: (0,5đ)			
	Dưới 90% tổng số công chức, viên chức: (0đ)			
<b>7.2</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa hiện đại:	2	2	- Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai - Phần mềm Egov của Sở tại Trung tâm Hành chính công <a href="http://egov-skhcn.dongnai.gov.vn">http://egov-skhcn.dongnai.gov.vn</a>
	Đạt 100% hồ sơ: (2đ)			
	Từ 95% đến dưới 100% hồ sơ: (1đ)			
	Từ 90% đến dưới 95% hồ sơ: (0,5đ)			
	Dưới 90% hồ sơ: (0đ).			
7.2.2	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2	2	
	Có cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3: (0,5đ); không cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: (0đ); trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 3 do không quy định (0,5đ)		0,5	- Tại trang WEB <a href="https://dichvucong.dongnai.gov.vn">https://dichvucong.dongnai.gov.vn</a> - Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017.
	Có cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4: (0,5đ); không cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: (0đ); trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 4 do không quy định (0,5đ)		0,5	- Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCHN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCHN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.
	Tỷ lệ tổng số hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (bao gồm hồ sơ trực tuyến, hồ sơ tiếp nhận		0,5	- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCHN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	trực tiếp theo cơ chế một cửa) của tất cả các TTHC, dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3: Đạt từ 10% trở lên (0,5đ); không đạt 10% (0đ); trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 3 do không quy định (0,5đ)			- Không phát sinh, giải trình tại mục 3.2.6 của báo cáo.
	Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4: (0,5đ); không có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4: (0đ); trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 4 do không quy định (0,5đ)		0,5	
7.2.3	Ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử.	2	2	
	Đã ứng dụng chữ ký số, chứng thư số: (1đ)		1	- Công văn số 149/SKHCHN-VP ngày 17 tháng 02 năm 2017 về sử dụng chữ ký số và dùng văn bản hoàn toàn điện tử. - Báo cáo số 230 /BC-SKHCHN ngày ngày 7 tháng 11 năm 2017. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCHN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Sử dụng chữ ký số, chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp: (1đ)		1	
	Trường hợp đơn vị chưa được cung cấp chữ ký số, chứng thư số: (2đ).			
<b>7.3</b>	<b>Chất lượng Trang thông tin điện tử của đơn vị</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	- Quyết định số 368/QĐ-SKHCHN ngày 8/11/2017 về Thành lập Ban biên tập trang Web Sở. - Quyết định số 367/QĐ-SKHCHN ngày 8/11/2017 về Ban hành quy chế hoạt động trang Web. - Theo báo cáo giải trình.
7.3.1	Tính kịp thời của thông tin	1	1	
7.3.2	Mức độ đầy đủ của thông tin	0,5	0,5	
7.3.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	0,5	0,5	
<b>7.4</b>	<b>Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO điện tử) trên cơ sở ứng dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm của Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của đơn vị:</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	- Theo báo cáo giải trình - Công văn 988/SKHCHN-TĐC ngày 24/7/2017; Công văn 227/BC-SKHCHN ngày 3/11/2017 Công văn 2003/TĐC- HCHQ ngày 16/8/2017 về áp dụng ISO điện tử. - Quyết định 250/QĐ-SKHCHN ngày 9/11/2015 về áp dụng 5S - Quyết định 251/QĐ-SKHCHN ngày 9/11/2015 về áp dụng 5S
	Thực hiện đạt theo yêu cầu: (2đ)		2	
	Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: (0đ)			
<b>8</b>	<b>SÁNG KIẾN, CÁCH LÀM MỚI TRONG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCHN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017. - Kèm theo các Tờ trình xin chủ trương thực hiện các sáng kiến
	Có 05 sáng kiến trở lên: (10đ)			
	Có 04 sáng kiến: (8đ)			
	Có 04 sáng kiến: (6đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Có 02 sáng kiến: (4đ)			
	Có 01 sáng kiến: (2đ)			
	Không có sáng kiến: (0đ)			
<b>9</b>	<b>KẾT QUẢ THAM MƯU TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</b>	<b>+/-3</b>	<b>+ 3</b>	
<b>9.1</b>	<b>Tiêu chí chung của các sở, ban, ngành</b>	<b>+/-3</b>	<b>+ 3</b>	
	01 nhiệm vụ đảm bảo theo yêu cầu/không đảm bảo theo yêu cầu (hoặc không triển khai): (+1/-1đ)			- Báo cáo số 37 /BC-SKHCCN ngày 06 tháng 3 năm 2017. - Công văn số 988/SKHCCN-TĐC ngày 24/7/2017 về xin ý kiến hướng dẫn thực hiện ISO điện tử
	02 nhiệm vụ đảm bảo theo yêu cầu/không đảm bảo theo yêu cầu (hoặc không triển khai) (+2/-2đ)			- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017. - Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.
	Từ 03 nhiệm vụ trở lên đảm bảo theo yêu cầu/không đảm bảo theo yêu cầu (hoặc không triển khai): (+3/-3đ)			- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
	Trường hợp đơn vị, địa phương không triển khai, do trong các chỉ đạo của cấp trên, đơn vị không có nhiệm vụ phải triển khai: (0đ)			
<b>9.2</b>	<b>Tiêu chí cụ thể của một số sở, ngành</b>	<b>+/- 3</b>	<b>+ 3</b>	
9.2.1	Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh hàng năm	+/-3		- Kế hoạch số 1107/KH-SKHCCN ngày 15/8/2017 về tăng cường nâng cao chỉ số PAPI năm 2017. - Kế hoạch số 885/KH-SKHCCN ngày 30/6/2017 về tăng cường nâng cao chỉ số CPI. - Công văn số 988/SKHCCN-TĐC ngày 24/7/2017 về xin ý kiến hướng dẫn thực hiện ISO điện tử
	Kết quả đánh giá Chỉ số CCHC cấp tỉnh theo Quyết định số 42/BNV-CCHC ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ đối với các sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư về lĩnh vực được phân phụ trách của năm trước liền kề như sau: - Đạt điểm tối đa theo quy định: (+3đ); - Tăng điểm so với năm trước: (+2đ); - Trừ ít hơn 10% số điểm lĩnh vực (+1đ); - Trừ từ 10% đến dưới 20% số điểm lĩnh vực (-1đ); - Trừ từ 20% đến dưới 30% số điểm lĩnh vực: (-2đ); - Trừ từ 30% số điểm lĩnh vực trở lên: (-3đ).			- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017. - Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017. - Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017. - Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.
9.2.2	Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số Quản trị hành chính công cấp tỉnh	+/- 1	+ 1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	(PAPI) hàng năm			
	<p>Kết quả đánh giá Chỉ số PAPI đối với Thanh tra tỉnh các sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo về lĩnh vực thuộc trách nhiệm của đơn vị trong năm trước liền kề như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng điểm so với năm trước liền kề: (+1đ);</li> <li>- Giảm điểm so với năm trước liền kề: (-1đ).</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 1107/KH-SKHCCN ngày 15/8/2017 về tăng cường nâng cao chỉ số PAPI năm 2017.</li> <li>- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017.</li> <li>- Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017.</li> <li>- Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.</li> <li>- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.</li> </ul>
9.2.3	Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hàng năm	+/-1	+ 1	
	<p>Kết quả đánh giá Chỉ số PCI theo phân công trong kế hoạch số 6258/KH-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh, đối với Văn phòng UBND tỉnh và các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Tài chính, Thanh tra tỉnh, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội) về <b>các chỉ tiêu</b> thuộc trách nhiệm của đơn vị trong năm trước liền kề như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt từ 95% trở lên số <b>chỉ tiêu</b> tăng hoặc bằng điểm so với năm trước (1đ);</li> <li>- Đạt từ 85% đến dưới 95% số <b>chỉ tiêu</b> tăng hoặc bằng điểm so với năm trước (0,5đ)</li> <li>- Đạt dưới 85% số <b>chỉ tiêu</b> tăng hoặc bằng điểm so với năm trước: (-1đ).</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 885/KH-SKHCCN ngày 30/6/2017 về tăng cường nâng cao chỉ số CPI.</li> <li>- Báo cáo 6 tháng số 129 /BC-SKHCCN ngày ngày 13 tháng 7 năm 2017.</li> <li>- Báo cáo năm 2017 số 238 /BC-SKHCCN ngày ngày 13 tháng 11 năm 2017.</li> <li>- Kế hoạch số 1790/KH-SKHCCN ngày 30/12/2016</li> <li>- Báo cáo Quý I số 30 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 02 năm 2017.</li> <li>- Báo cáo 6 tháng số 84 /BC-SKHCCN ngày ngày 29 tháng 5 năm 2017.</li> <li>- Báo cáo 9 tháng số 157 /BC-SKHCCN ngày ngày 28 tháng 8 năm 2017.</li> <li>- Báo cáo năm 2017 số 218 /BC-SKHCCN ngày ngày 30 tháng 10 năm 2017.</li> </ul>
<b>Tổng</b>		<b>100</b>	<b>99,5</b>	